TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2024/DS-ST
Ngày: 04-7-2024
V/v tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn và bà Phan Thị Yến.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng H.

Địa chỉ: Tầng D, tòa nhà N, đường H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc C: Ông Đặng Hoàng N. Chức vụ: Giám đốc ngân hàng H chi nhánh A. (theo Quyết định số 610/2022/QĐ-NHHT ngày 25/11/2022).

Địa chỉ: Số A, đường H, khóm G, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Hoàng N: Bà Nguyễn Thị Tuyết T. Chức vụ: Cán bộ tín dụng (theo Giấy ủy quyền số 46/2024/GUQ-CNAG ngày 01/4/2024). (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

2. Ông Trần Trọng T2, sinh năm 1976. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ G, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:

Ngày 22/01/2016, bà và ông T2 (chồng bà T1) có lập, ký tên trên Đơn xin vay và cam kết trả nợ gửi đến Ngân hàng H – Chi nhánh A.

Ngày 22/01/2016, bà T1 đứng tên đại diện và Ngân hàng H – chi nhánh A ký kết Hợp đồng tín dụng số TD18700069 căn cứ theo hồ sơ xin vay vốn của bà Nguyễn Thị Thanh T1 với nội dung Hợp đồng tín dụng như sau:

- Số tiền vốn vay: 150.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng tiền vay: Mua sắm vật dụng, sinh hoạt gia đình.

- Thời hạn cho vay: 60 tháng.

- Lãi suất cho vay: 0,92%/tháng (11,04%/năm).

- Nguồn trả nợ từ lương, thưởng, phụ cấp hàng tháng.

- Số tiền cho vay được trả nợ thành 60 kỳ hạn. Trả nợ gốc và lãi vào ngày 10 của mỗi tháng. Số tiền gốc mỗi kỳ hạn là 2.500.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà T1, ông T2 không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng H – Chi nhánh A theo quy định. Sau nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở đến nay bà T1, ông T2 vẫn không thực hiện đúng như đã cam kết. Khoản vay của bà T1 đã chuyển sang quá hạn từ ngày 24/3/2017 và áp dụng lãi suất quá hạn.

Nay Ngân hàng H yêu cầu: Buộc bà T1 và ông T2 trả tổng số tiền 287.383.267 đồng trong đó tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 24/7/2023 là 147.383.267 đồng và tiền lãi phát sinh thực tế theo mức lãi suất Ngân hàng quy định cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày xét xử (ngày 04/7/2024), bà T1, ông T2 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 309.360.429 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Trần Trọng T2 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận ý kiến về nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Buộc bị đơn bà T1, ông T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng và nợ lãi (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm) và tiền lãi phát sinh thực tế theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngân hàng H (viết tắt là Ngân hàng) do Nguyễn Quốc C. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Đặng Hoàng N. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng H – chi nhánh A (Theo Quyết định số 610/2022/QĐ-NHHT ngày 25/11/2022). Ông Đặng Hoàng N ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tuyết T – Cán bộ tín dụng – Ngân hàng H – chi nhánh A (Theo Giấy ủy quyền số 46/2024/GUQ-CNAG ngày 01/4/2024).

Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận bà T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] Ngân hàng khởi kiện bà T1, ông T2 yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số TD18700069, ngày 22/01/2016. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Trần Trọng T2. Bà T1, ông T2 có nơi cư trú tại xã M, thành phố L, tỉnh An Gaing. Căn cứ Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Trần Trọng T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[5] Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng tín dụng số TD18700069, ngày 22/01/2016 giữa Ngân hàng và bà T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng theo quy định tại các Điều 471, 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T1, ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T1, ông T2 không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1, ông T2 cùng có trách nhiệm trả nợ vay. Nhận thấy nội dung Đơn xin vay và cam kết trả nợ ngày 22/01/2016 có chữ ký ghi họ

tên của ông Trần Trọng T2, chứng minh việc ông T2 biết và đồng ý với việc sử dụng vốn vay. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 17/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thì đến ngày 17/5/2016 bà T1 và ông T2 mới chấm dứt quan hệ hôn nhân. Hợp đồng tín dụng số TD18700069, ngày 22/01/2016 được ký kết giữa Ngân hàng và bà T1 là trong thời kỳ hôn nhân, ông T2 biết, đồng ý ký tên và mục đích vay là mua sắm vật dụng, sinh hoạt gia đình là nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu trong gia đình theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ông T2 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T1 đối với khoản vay trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bà T1, ông T2 đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

[6] Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1, ông T2 trả tổng số tiền 309.360.429 đồng (tính đến ngày 04/7/2024). Trong đó, nợ gốc 140.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.153.074 đồng, lãi quá hạn 157.207.355 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, do bà T1, ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên kể từ ngày 04/7/2024 buộc bà T1, ông T2 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà T1, ông T2 phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 235, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Trần Trọng T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng H tổng số tiền 309.360.429 đồng *(Ba trăm lẻ chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng)*. Trong đó, nợ gốc 140.000.000 đồng, lãi trong hạn 12.153.074 đồng, lãi quá hạn 157.207.355 đồng (tính đến ngày 04/7/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (04/7/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số TD18700069, ngày 22/01/2016. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Trần Trọng T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Trần Trọng T2 phải chịu 15.468.021 đồng án phí dân sự sơ thẩm *(Mười lăm triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm hai mươi mốt đồng)*.

Ngân hàng H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 7.184.582 đồng *(Bảy triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi hai đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001665 ngày 05/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên